

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 267/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân Hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Khắc P** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Kiên Giang (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019).

Ủy quyền lại cho bà **Lê Thị Tuyết L** – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Kiên Giang (Văn bản ủy quyền số 29/QĐ – PGĐ ngày 18/02/2020).

Địa chỉ: Ấp 9, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn T** - sinh năm 1983

Chị **Huỳnh Kim K** – sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam bà Lê Thị Tuyết L và vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K thống nhất hiện nay vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 40.000.000đ đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), lãi là

6.725.848 đồng (*Sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*). Tổng cộng gốc và lãi là 46.725.848 đồng (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*), lãi tính đến ngày 24/3/2021.

2.2 Các đương sự thống nhất thời gian trả nợ như sau:

Vào ngày 16/4/2021DL vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền lãi là 6.725.848 đồng (*Sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*).

Vào ngày 18DL hàng tháng, vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ. Thời gian trả nợ gốc và lãi phát sinh bắt đầu từ tháng 5 năm 2021.

Trong thời gian trả nợ nếu vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K vi phạm một trong các lần trả nợ thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền yêu cầu vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K trả toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết số 6600000708815055 ngày 25/10/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3 Về án phí: 46.725.848 đồng x 5% = 2.336.292 đồng. Hòa giải thành các đương sự chịu 50% án phí. Các đương sự thỏa thuận:

Vợ chồng anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Kim K nộp 584.073 đồng, làm tròn thành 584.000 đồng (*Năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nộp số tiền là 584.073 đồng, làm tròn thành 584.000 đồng (*Năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng*). Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm Phán

Trần Thị Ngọc Ái